

Bản án số: **113** /2023/HC-PT

Ngày: 20-4-2023

V/v: “*Kiến QĐHC, HVHC về
lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các thẩm phán: ông **Vũ Thanh Liêm** và ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Thành An** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Lê Phước Thạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 327/2022/TLPT-HC ngày 25 tháng 11 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 73/2022/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1018/2023/QĐPT-HC ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phan Đình P, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ 01, khối 2 thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người bị kiện: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ tỉnh Quảng Nam. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Văn C – Phó Giám đốc. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: thị trấn N, huyện N. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Mai Văn T – Cán bộ địa chính UBND thị trấn N; Đơn vắng mặt.

2. Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đỗ H – Trưởng phòng Phòng quản lý tài nguyên và môi trường. Vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Khối 3, thị trấn

N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. *Người đại diện theo uỷ quyền*: Ông Nguyễn Chí D - Phó Chủ tịch; *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp*: Ông Nguyễn Như N – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam. Đơn vắng mặt.

4. Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 01, khối 02 thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Đình P, sinh năm 1967. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Phan Đình P trình bày:

Ngày 16/7/1990 ông có đơn xin đắp đất làm hồ tôm và xây dựng trại với diện tích 11.648m² đã được Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) thị trấn N xác nhận, sau đó ông đăng ký theo Nghị định 60/CP với diện tích 11.917m², trong đó diện tích đắp nền xây dựng trại là 340m². Ngày 17/10/1990 ông làm đơn xin đất làm nhà diện tích 200m² trên diện tích xây đắp hồ nuôi tôm. Tổng cộng diện tích nền trại giữ tôm và nhà ở là 540m². Thực hiện dự án Kè sông H giai đoạn 1, UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 về việc thu hồi đất, theo đó UBND huyện N đã bồi thường cho ông diện tích đất là 6.822,3m², đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản, ông đã nhận tiền đầy đủ. Từ khi làm nhà đến nay ông đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế nhà đất đầy đủ. Năm 2009 cơn bão số 9 đã làm đổ nhà cửa, tường rào nên ông đã xây dựng lại và ở thì đến ngày 12/10/2016 Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 8916/QĐ-UBND về việc yêu cầu ông khắc phục hậu quả với lý do ông lấn chiếm đất. Ông đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân các cấp và Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tuyên hủy Quyết định số 8916/QĐ-UBND của UBND huyện N. Ngày 18/9/2017 ông lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất nhà ở và đất xây dựng trại tôm nằm ngoài diện tích đất UBND huyện N thu hồi tại thửa số 01, tờ bản đồ số 01 thuộc thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam với diện tích đo đạc thực tế thửa đất trên là 745,3m², trong đó đất xây dựng nhà ở và quán là 566,3m², đất mép sông bờ đá là 179,3m². Ngày 06/01/2020 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N ban hành Báo cáo số 01/BC-CNVPĐK với nội dung trường hợp của ông không được cấp giấy chứng nhận vì đất đề nghị cấp giấy chứng nhận đã bị thu hồi. Nguồn gốc đất của ông có từ năm 1990 có xác nhận của UBND thị trấn N, diện tích đất này không thuộc diện tích đất đã thu hồi bồi thường, vì vậy ông Phan Đình P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Báo cáo số 01/BC-CNVPĐK ngày 06/01/2020 về trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Đình P (Phan Thanh G) của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N.

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Đình P (Phan Thanh G) theo đúng quy định của pháp luật;

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam ông Trần Văn Cư trình bày:

Năm 2019, ông Phan Đình P lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận lần đầu và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Một cửa) thuộc Văn phòng HĐND-UBND huyện N. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N đã thực hiện việc Đo đạc hiện trạng thửa đất và có Phiếu kết quả đo đạc số 3244/CNVPĐK ngày 24/9/2019 và chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân thị trấn N để xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch, lấy ý kiến xác nhận và công khai kết quả theo thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Ủy ban nhân dân thị trấn N đã thực hiện việc niêm yết tại Biên bản ngày 06/12/2019 và kết thúc niêm yết tại Biên bản ngày 23/12/2019. Trong danh sách niêm yết, công khai đối với trường hợp của ông Phan Đình P, UBND thị trấn N nêu rõ: “*Thời điểm sử dụng đất: Có giấy xin đất được UBND thị trấn xác nhận năm 1990, vị trí xin cấp Giấy nằm trong tổng diện tích thửa 01, diện tích 11.917,0m² đã được bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 352/QĐ-KTM ngày 10/10/2005 của Ban Quản lý Khu kinh tế mở C (kèm theo quyết định); ngày 27/12/2006, UBND tỉnh Quảng Nam đã có Quyết định thu hồi đất số 3740/QĐ-UBND thu hồi và giao cho Ban quản lý Khu kinh tế mở C quản lý, sử dụng (kèm theo quyết định).*”

- *Nguồn gốc sử dụng đất: Sử dụng đất trên phần đất đã được bồi thường: theo Quyết định số 352/QĐ-KTM ngày 10/10/2005 của Ban QLKKT C và trên phần đất đã có Quyết định thu hồi đất số 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam.*

- *Tài sản gắn liền với đất: Trên đất đã có nhà ở và có mặt bằng làm quán cho thuê.*

- *Tình trạng tranh chấp: Phần diện tích xin cấp Giấy do Ban quản lý Khu kinh tế mở C quản lý, sử dụng theo Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam”.*

Tại Phần II xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn tại Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận, UBND thị trấn N xác nhận nội dung sau:

“*1. Nội dung kê khai so với hiện trạng: Thực tế có nhà do vợ chồng ông Phan Đình P đang ở và phần quán do vợ chồng ông Phan Đình P đã cho thuê.*

2. Nguồn gốc sử dụng đất: Ông Phan Đình P có giấy xin đất được

UBND thị trấn xác nhận năm 1990, phần diện tích 745,6m² ông P xin đăng ký và cấp Giấy nằm trong tổng diện tích 11.917m² tại thửa 01, tờ bản đồ số 01 theo hồ sơ 60/CP, đã được bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 352/QĐ-KTM ngày 10/10/2005 của Ban QLKKTm C và nằm trong vị trí đã có Quyết định thu hồi đất số 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 UBND tỉnh Quảng Nam về thu hồi và giao cho Ban quản lý Khu kinh tế mở C quản lý, sử dụng.

3. Thời điểm sử dụng vào mục đích đăng ký: Sử dụng sau khi có Quyết định số 352/QĐ-KTM ngày 10/10/2005 của Ban QLKKTm C phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất: Nhà cũ ở trước khi có phương án bồi thường theo biên lai nộp thuế nhà đất là năm 2001 (hộ khai nhà xây dựng năm 1998); Quán làm năm 2012.

5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: Đất do Ban quản lý Khu kinh tế mở C quản lý, sử dụng theo Quyết định thu hồi đất số 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam.

6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng: Không phù hợp tại Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam, vị trí này theo quy hoạch là đất để làm bờ kè”.

Từ những nội dung trên, Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam nhận thấy: Trường hợp sử dụng đất của ông Phan Đình P không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai nên việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N không có cơ sở để hoàn thiện hồ sơ, chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N để thẩm định, trình UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận cho ông Phan Đình P là đúng quy định pháp luật.

Báo cáo số 01/BC-CNVPĐK ngày 06/01/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N là văn bản báo cáo các nội dung theo chỉ đạo của UBND huyện N tại Công văn số 88/UBND-VP ngày 22/01/2020 nên không phải là quyết định hành chính hay hành vi hành chính, do đó không phải là đối tượng bị khởi kiện theo quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét, giải quyết vụ việc theo thẩm quyền.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam, ông Đỗ Hoàng trình bày:

Diện tích đất ông Phan Đình P yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Công ty Đầu tư và Phát triển X Quảng Nam bồi thường. Theo Quyết

định số 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam thì toàn bộ diện tích này đã được thu hồi và giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế mở C (nay là Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam) quản lý, sử dụng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện N trình bày:

UBND huyện N thống nhất với nội dung của Báo cáo số 01/BC-CNVPĐK ngày 06/01/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 73/2022/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ Điều 3; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phan Đình P (Phan Thanh G) về việc: Hủy Báo cáo số 01/BC-CNVPĐK ngày 06/01/2020 về trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Đình P (Phan Thanh G) của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N.

- Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phan Đình P (Phan Thanh G) về việc: Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Đình P (Phan Thanh G) theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/8/2022, người khởi kiện ông Phan Đình P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông đối với phần buộc UBND huyện Núi thành cấp giấy CNQSDĐ đối với toàn bộ nhà đất ông đang sử dụng.

Tại phiên tòa Phúc thẩm: người kháng cáo, ông Phan Đình P vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện như trong đơn của ông. Ông cho rằng ông khởi kiện 02 nội dung là yêu cầu hủy Báo cáo số 01/BC-CNVPĐK ngày 06/01/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện N và Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam-chi nhánh N lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 745,6m² cho hộ ông Phan Đình P (Phan Thanh G) theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định; về tố tụng, án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục; về nội dung, án sơ thẩm xét xử đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác một phần đơn khởi kiện của ông P như án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: các đương sự được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên có nhiều đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, theo đề nghị của đương sự có mặt tại phiên tòa là Người khởi kiện và của Kiểm sát viên, HĐXX thấy đây là phiên tòa được triệu tập lần thứ hai, các đương sự đều nhận được Giấy triệu tập hợp lệ, việc vắng mặt của các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên thống nhất quyết định tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về nguồn gốc thửa đất liên quan đến việc khởi kiện của ông Phan Đình P; Hội đồng xét xử thấy rằng: nguyên thửa đất có diện tích 745,3m² mà ông P xin cấp Giấy CNQSDĐ có nguồn gốc từ việc ông P xin giao đất đắp hồ tôm và đất làm nhà ở theo Đơn ngày 16/7/1990 và ngày 17/10/1990 có tổng diện tích đất là 11.648 m². Theo bản đồ số 60/CP ông P sử dụng 11.917 m², trong đó có đất làm trang trại giữ tôm là 340m², đất làm nhà ở 200 m². Căn cứ các quyết định của Ban quản lý Khu kinh tế mở C thì đã thu hồi, bồi thường cho ông P 6.822,3 m² mà ông P đang sử dụng, số diện tích đất còn lại 5.094,7 m² chưa sử dụng giao cho UBND thị trấn N nhận tiền và quản lý. Như vậy, tổng cộng là 11.917 m² nên ông P không còn đất. Tại hồ sơ bồi thường cho ông P không thể hiện việc bồi thường cụ thể đất ở, đất làm trại giữ tôm là bao nhiêu, trong lúc thực tế nhà ở của ông P vẫn còn tồn tại với nhiều thành viên sinh sống. Từ đó cho thấy khi lập hồ sơ giải phóng mặt bằng, Hội đồng đền bù chỉ xác định số liệu 6.822,3m² nhưng không xác định cụ thể vị trí đất thu hồi cũng như loại đất được thu hồi.

[2.2] Năm 2009 sau cơn bão số 9, nhà cửa ông P bị hư hỏng, ông sửa chữa lại thì bị Đội quy tắc lập biên bản vi phạm hành chính cho rằng ông lấn chiếm đất của nhà nước; đồng thời UBND huyện N ban hành Quyết định số 8916/QĐ-KPHQ ngày 12/10/2016 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Tại Bản án số 128/2017/HC-PT ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã huỷ Quyết định trên; trong đó có nhận định: “Ngày 01/6/2017, Tòa án nhân dân cấp cao có quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét thẩm định tại chỗ và thu thập tài liệu liên quan đến việc sử dụng đất của ông P, hồ sơ thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ cho người sử dụng đất và đo đạc thẩm định lại hiện trạng đất đai do ông P đang sử dụng”. Theo văn bản số 653/UBND ngày 13/6/2017 của UBND huyện N trả lời Tòa án như sau: “Tại thời điểm bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc thửa đất số 01 tờ bản đồ số 1, loại đất ao tôm theo hồ sơ đăng ký 60/CP do

UBND thị trấn N quản lý, phê duyệt tại quyết định 352/QĐ-KTM ngày 10/10/2005 của Ban quản lý Khu kinh tế mở C, không có quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền, lý do đất này do Nhà nước quản lý”.

[2.3] Tại Bản án số 128/2017/HC-PT ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cũng nhận định: “Tại hồ sơ thẩm định đo đạc lại hiện trạng thể hiện diện tích ông Phan Đình P sử dụng là 7.371 m², chênh lệch so với diện tích đền bù 6.883,3m² là 487,7m² thuộc diện tích nhà ông P đang ở trong đó có 256,6m² đang áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là nằm ngoài diện tích bồi thường. Mặt khác, hồ sơ thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ các đương sự cung cấp không thể hiện có diện tích đất hộ ông P làm nhà ở nên cũng chưa có căn cứ kết luận ông P tái lấn chiếm lại đất đã bị thu hồi như biên bản vi phạm hành chính ngày 21/11/2014. Do đó, việc Chủ tịch UBND huyện N ban hành các quyết định xử lý vi phạm hành chính về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với diện tích đất 254,6 m² là không có căn cứ pháp lý. Do vậy, việc Đội quy tắc đô thị lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Phan Đình P về hành vi “Chiếm đất” là không đúng pháp luật. Trong trường hợp này để phục vụ dự án “Kè sông H” thì UBND huyện N cần phải ban hành quyết định thu hồi đất theo đúng quy định tại các Điều 38, 40, 41, 42 Luật đất đai năm 2003 và Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Tại phiên tòa ông Đỗ Hoàng đại diện Ban Quản lý Khu kinh tế mở C cung cấp Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất, giao đất cho Ban Quản lý Khu kinh tế mở C quản lý sử dụng để xây dựng công trình “Kè sông H” (giai đoạn 1) tại mục 2 Điều 2 của Quyết định nêu “Ủy ban nhân dân huyện N ra quyết định thu hồi đất đối với từng thửa đất cụ thể do các hộ gia đình, cá nhân đang quản lý sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về đất đai hiện hành; cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo đúng quy định”.

[2.4] Ngày 11/9/2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện N ban hành Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất thể hiện: thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01 theo hồ sơ 60/CP có diện tích đất 745,6 m² gồm đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm của ông Phan Thanh G, trú tại khối 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam không tranh chấp. Tuy nhiên, Văn phòng ĐKĐĐ N cho rằng toàn bộ diện tích đất này nằm trong tổng diện tích 11.917 m² tại thửa đất số 01 theo hồ sơ đăng ký 60/CP đã được phê duyệt bồi thường dự án kè sông H (giai đoạn 1), ông Phan Thanh G được hỗ trợ diện tích 6.822,3 m². UBND thị trấn hỗ trợ đất công ích diện tích 5.094,7 m² là không đúng dẫn tới việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện N ban hành Báo cáo số 01/BC- CNVPĐK ngày 06/01/2020 cho rằng trường hợp xin cấp GCNQSD đất của ông Phan Thanh G (P) là không đủ điều kiện do diện tích đất hộ ông G đề nghị cấp đã bị thu hồi, bồi thường và nằm trong quy hoạch nên Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên huỷ Báo cáo số 01/BC- CNVPĐK ngày 06/01/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện N là có căn cứ; vì đất của ông P đủ điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ.

[3] Xét kháng cáo của Người khởi kiện với nội dung: “*Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam-chi nhánh N lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 745,6 m² cho hộ ông Phan Đình P (Phan Thanh G) theo đúng quy định của pháp luật*”. HĐXX thấy rằng: Tại hồ sơ hiện nay diện tích đất hộ ông Phan Đình P đang khiếu kiện nằm trong phạm vi thu hồi đất thực hiện công trình kè sông H (giai đoạn 1), dự án này đã tạm dừng theo Quyết định số 176/QĐ-KTM ngày 17/10/2012 của Ban Quản lý Khu kinh tế mở C và thay đổi quy hoạch đường Võ Chí Công và đường Quang Trung, Vĩnh An Hà 1 dẫn vào cầu Tam Giang sẽ ảnh hưởng đến diện tích đất và tài sản trên đất của hộ gia đình ông P đang sử dụng. Mặc dù cho đến thời điểm này Ủy ban nhân dân huyện N chưa thực hiện nội dung của Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thu hồi đất, giao đất là: “*Ủy ban nhân dân huyện N ra quyết định thu hồi đất đối với từng thửa đất cụ thể do các hộ gia đình, cá nhân đang quản lý sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về đất đai hiện hành; cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo đúng quy định*”. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay các dự án này đang triển khai thi công theo Quyết định 55A/QĐ-KTM ngày 31/3/2017 của Ban Quản lý Khu kinh tế mở C, Quyết định 2639/UBND-KTN ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam và Quyết định số 92/QĐ-STC ngày 10/5/2019 của Sở tài Chính tỉnh Quảng Nam. Đồng thời, tại phiên toà hôm nay, ông Phan Đình P cũng thừa nhận các dự án này đang tiếp tục thi công liền kề nhà đất của ông đang sử dụng, nhưng chưa ảnh hưởng trực tiếp đến tài sản của ông. Như vậy có thể thấy Quyết định thu hồi đất số 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam vẫn đang còn phát sinh hiệu lực; do đó căn cứ khoản 6 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về các trường hợp không cấp GCNQSD đất quy định: “*6. Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”, thì hiện tại Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu thấy cần thiết Ủy ban nhân dân huyện N sẽ ban hành quyết định thu hồi đất cụ thể của hộ gia đình ông Phan Đình P theo như Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 đã đề cập và sẽ bồi thường cho hộ gia đình của ông theo quy định về đất có đủ điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ. Nếu sau khi thực hiện các dự án xong mà đất của hộ gia đình ông không còn ảnh hưởng gì đến dự án nào khác, thì lúc đó ông có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ đối với diện tích 745,6 m² đất như đã nêu trên.

[4] Từ nhận định trên đây; xét thấy toà án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình P về nội dung khởi kiện “*Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Đình P (Phan Thanh G) theo đúng quy định của pháp luật*” là đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông P kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới làm thay đổi đường lối xét xử; do vậy HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Đình P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ.

[5] Do kháng cáo của ông Phan Đình P không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

1/ Bác kháng cáo của ông Phan Đình P; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 73/2022/HC-ST ngày 20 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ Điều 3; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phan Đình P (Phan Thanh G) về việc: Hủy Báo cáo số 01/BC-CNVPĐK ngày 06/01/2020 về trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Đình P (Phan Thanh G) của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N.

- Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phan Đình P (Phan Thanh G) về việc: Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Đình P (Phan Thanh G) theo đúng quy định của pháp luật.

2/ Án phí hành chính phúc thẩm: ông Phan Đình P phải chịu 300.000đ; ông P đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0239 ngày 19/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (ông P đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/4/2023).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường